

Bản án số: 83/2020/HS-ST
Ngày 13 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Có

Ông Nguyễn Văn Bân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố z

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa:* Bà Châu Thị Kim Ngọc - Kiểm sát viên

Trong các ngày 12, 13 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Z mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Dục, sinh năm: 1963, tại Hà Nội; Nơi đăng ký NKTT: số 9C ngõ 48 phố Thái Hà, phường Trung Liet, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: nhà số 2R tầng trệt chung cư CT5, khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, xã V N, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (*Đã chết*) và bà Lê Thị S (*Đã chết*). Có hai con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 193/1997/HSST ngày 18/4/1997 của Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

2. Phan Ngọc Hùng (Hùng chùa), sinh năm: 1990, tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký NKTT: số nhà 19 đường Tô Vĩnh Diện, phường P S, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: 43 Gò Cây Sung, xã V N, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ sửa giày. Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc T và bà Nguyễn Thị C. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:

- Bản án số 293/2011 ngày 23 tháng 12 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 02 năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24 tháng 8 năm 2013; Chấp hành xong án phí ngày 07 tháng 6 năm 2012.

- Bản án số 72/2015 ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Z xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giật tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03 tháng 2 năm 2016. Chấp hành xong án phí ngày 25 tháng 5 năm 2015.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

*** Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Tổ 12 Vĩnh Diễm Thượng, xã VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Thôn Đắc Lộc 2, xã VP thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn Thọ Cách, xã T Bình, huyện Thái T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn Phú Nẫm, xã Diên Phú, thị trấn DK, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

3. Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 12 Vĩnh Diêm Thượng, xã VH, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn Phú Nông Nam, xã VN, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D:* Ông Phạm Minh H - Luật sư, Công ty Luật TNHH Khánh Hòa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 2 năm 2019, Nguyễn Thị Ngọc N vay mượn của Phạm Thị D số tiền khoảng 10.000.000đồng, N đã trả theo thỏa thuận được một thời gian sau đó N không còn khả năng thanh toán.

Đến khoảng 12 giờ 20 phút ngày 16 tháng 4 năm 2019, Nguyễn Đức T (là người làm công cho D) điều khiển xe máy chở Trần Anh T (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) đến trường học Lương Thế Vinh thuộc xã VT, thành Z thì gặp N đang chở con đi học. T yêu cầu N về nhà D để giải quyết việc nợ tiền. N sợ nên đi qua xe máy của T để T chở, còn T điều khiển xe máy của N về nhà D.

Khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, T chở N về đến nhà D tại số nhà 2R tầng trệt chung cư CT5, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, xã VN, thành phố Z. Lúc này, D đi tới dùng tay túm tóc kéo N ngồi xuống ghế đá trước nhà rồi dùng tay, chân đánh nhiều cái vào mặt, đầu, người của N. N van xin D thả N ra và đừng đánh N nữa nhưng không được. D, T liên tục dùng tay, chân đánh vào người N rồi D, T yêu cầu N gọi điện thoại cho người thân mang tiền đến trả. Lúc này, Phan Ngọc H (cũng là người làm công cho D) thấy vậy cũng xông vào dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, mặt Nết và cùng với D, Tuyên thúc giục Nết gọi điện thoại về cho người thân mang số tiền 11.000.000đồng đến trả cho D. Do lo sợ tiếp tục bị đánh nên Nết gọi điện thoại về nhà cho bà Nguyễn Thị Ngọc D (là mẹ ruột của N) nhờ mang tiền đến trả cho D nhưng bà D không có tiền nên bà D đã gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị Mỹ D (là con của bà D và là em gái của N) thông báo về việc N đang bị giữ và phải mang tiền đến trả cho D. Sau một thời gian, D vẫn chưa thấy người nhà của N mang tiền đến trả, D liền bảo N gọi vào điện thoại của ông Nguyễn Mạnh L (là chồng của N) rồi đưa điện thoại để D báo cho L biết việc N nợ tiền nhưng không trả và hiện bị bắt về nhà của D và yêu cầu ông L phải mang tiền đến trả. Trong lúc nói chuyện, D, T bật loa điện thoại cho ông L nghe tiếng N bị đánh nhằm tạo áp lực để gia đình mang tiền đến. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, D mang 4.000.000đồng đến và xin D cho trả trước, số còn

lại hẹn 7 ngày sau sẽ trả đủ nên D đồng ý. Khi D đang chuẩn bị đưa tiền cho D thì bị cơ quan Công an đến phát hiện và mời tất cả về trụ sở làm việc.

Cáo trạng số 41/CT-VKSNT ngày 17 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z truy tố Phạm Thị D, Phan Ngọc H về tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị D và Phan Ngọc H khai nhận: Bị cáo Phạm Thị D là đại diện hộ kinh doanh mua bán và cho thuê xe máy theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A8028923 do Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang cấp đăng ký lần đầu ngày 13/4/2017. Vì Nguyễn Thị Ngọc N đã nhận đặt cọc số tiền 11.000.000 đồng của bị cáo D và cam kết giao xe máy nhưng không giao xe, không trả lại tiền cọc mà còn bỏ trốn, nên trước ngày 16/4/2019, Phạm Thị D có nói với Nguyễn Đức T đến nhà Nết đòi nợ nhưng không gặp N, nên T đã yêu cầu bà D (là mẹ ruột của N) phải viết giấy trả nợ thay cho N với số tiền nêu trên. Vào khoảng trưa ngày 16/4/2019, khi thấy T chở N về đến nhà số 2R tầng trệt chung cư CT5, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, xã VN Thành phố Z sẵn bực tức trong lòng, nên bị cáo Phạm Thị D đã xông tới dùng tay túm tóc kéo N ngồi xuống ghế đá để trong sân nhà, Nết xin D, T cho gọi điện thoại về nhà để nhờ người thân mang tiền đến trả và các bị cáo đồng ý; Phan Ngọc H cũng xông vào dùng tay chân đánh nhiều cái vào đầu, mặt N. Đồng thời các bị cáo tiếp tục hối thúc N gọi cho người nhà mang tiền đến trả. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, chị D mang 4.000.000 đồng đến và xin D cho trả trước, số còn lại hẹn 7 ngày sau sẽ trả đủ, D đồng ý. Khi D đang chuẩn bị giao tiền cho D thì bị cơ quan Công an đến phát hiện và mời tất cả về trụ sở làm việc. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận tuy nhiên hành vi bắt chị N về nhà là do Nguyễn Đức T đã thực hiện, các bị cáo chỉ giữ chị N để chờ gia đình mang tiền đến trả nợ mà thôi.

Lời trình bày của bị hại trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng đầu tháng 2 năm 2019, chị Nết có vay của bà Phạm Thị D khoảng 10.000.000 đồng và có trả lãi theo thỏa thuận, sau nhiều lần đáo hạn và hiện tại còn nợ bà D khoảng 4.000.000 đồng thì không có khả năng thanh toán nên đã bỏ trốn. Việc cho vay của bà D được thể hiện dưới hình thức viết giấy biên nhận đặt cọc mua, bán xe máy. Khoảng 12 giờ ngày 16/4/2019, khi vừa chở con đến trường Lương Thế Vinh thì T và Táp sát yêu cầu chị lên xe máy để T chở, còn xe máy của chị thì đưa cho T điều khiển về nhà của bà D giải quyết việc nợ. Do lo sợ con và mọi người xung quanh phát hiện việc nợ nần của mình nên chị đồng ý lên xe để T chở về. Vừa về đến nơi, bà D, T và H đã có hành vi dùng tay chân đánh vào người, vào mặt; hối thúc chị gọi điện thoại cho gia đình để gia đình nóng lòng mà mang tiền đến trả cho bà D thì những người này mới thả cho chị về. Chị không bị bắt trói nhưng bên cạnh chị lúc nào cũng có mặt D hoặc T hoặc H và đánh đập khiến chị sợ hãi mà không dám bỏ trốn. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, chị D đem theo số tiền 4.000.000 đồng đến nhà D. Khi D đang chuẩn bị đưa tiền cho D thì bị cơ quan Công an đến phát hiện và mời tất cả về trụ sở làm việc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Đã có hành vi giữ, đánh đập chị N nhằm tạo áp lực buộc người thân của chị N mang tiền đến trả cho D. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” theo quy

định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị D. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Ngọc H. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù Về trách nhiệm dân sự; Xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D phát biểu lời bào chữa: Bản thân bị cáo D không biết hành vi bắt người của T. Hành vi của bị cáo D chỉ cấu thành tội: “Giữ người trái pháp luật”, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, nếu vẫn xét xử bị cáo D về tội danh theo cáo trạng đã truy tố thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình, nhân thân của bị cáo để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, Bị hại chị Nguyễn Thị Mỹ D; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh L, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Người làm chứng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D và các bị cáo cho rằng các bị cáo chỉ thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, không biết việc Nguyễn Đức T bắt chị N về nhà. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận: Do chị Nguyễn Thị Ngọc N nợ tiền nhưng không trả theo thỏa thuận nên trước ngày 16/4/2019, Phạm Thị D có nói Nguyễn Đức T (là người làm công cho D) đến nhà tìm N đòi nợ nhưng không gặp nên đã yêu cầu gia đình viết giấy cam kết trả nợ thay cho chị N số tiền 11.000.000 đồng. Do đó, đến khoảng 13 giờ 40 phút ngày 16/4/2019 khi thấy Nguyễn Đức T chở N về nhà Phạm Thị D tại số 2R chung cư CT5, Vĩnh Diêm Trung, xã VN, thành phố Z, D liền đến dùng tay túm tóc kéo N ngồi xuống ghế đá đang để trước nhà rồi dùng tay, chân đánh nhiều cái vào mặt, đầu, người của N. N van xin D thả N ra và đừng đánh nhưng D, T liên tục dùng tay, chân đánh vào người N, Phan Ngọc H thấy vậy cũng xông vào dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, mặt N và cùng với D, T thúc giục N gọi điện thoại cho người thân, mở loa điện thoại để người thân của N nghe thấy tiếng đánh, đập mà nóng lòng

mang số tiền 11.000.000đồng đến trả cho D. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị Mỹ D (*là em gái của chị N*) đã mang số tiền 4.000.000đồng đến giao cho D thì bị cơ quan Công an đến phát hiện. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với toàn bộ các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm, Biên bản sự việc, Kết luận giám định số 2820/C09-P6 ngày 04/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an; Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, lập luận của người bào chữa, của các bị cáo đã nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 13 giờ 40 phút đến khoảng 16 giờ 20 phút, Phạm Thị D, Phan Ngọc H, Nguyễn Đức T đã thực hiện hành vi bắt, giữ chị Nguyễn Thị Ngọc N tại nhà số 2R tầng trệt chung cư CT5, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, xã VN, thành phố Z nhằm tạo áp lực, buộc người thân của chị Nguyễn Thị Ngọc N phải giao số tiền 11.000.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 41/CT-VKSNT ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố các bị cáo về tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của con người. Đây là vụ án đồng phạm thông thường, các bị cáo không có sự bàn bạc chuẩn bị trước nhưng các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phạm Thị D giữ vai trò là người khởi sự, bị cáo Phan Ngọc H khi tiếp nhận ý chí của đồng phạm đã đồng ý ngay và giúp sức một cách tích cực. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Phạm Thị D đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra; Bị cáo có cha ruột là ông Phạm Văn T được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến, gia đình có công với cách mạng; Bản thân bị cáo đã lớn tuổi và đang bị mắc bệnh gây khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị D.

Xét vai trò, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: cần xử phạt thật nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét về bản chất của vụ án: Xuất phát từ việc nợ tiền của bị hại không trả nên các bị cáo không kiềm chế bản thân muốn lấy lại số tiền một cách nhanh nhất nên đã thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Thị D có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã

hội. Đối với bị cáo Phan Ngọc H, mặc dù tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, nhân thân bị cáo xấu, đã từng bị kết án tuy đã chấp hành xong hình phạt tù vào năm 2016 và đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học rèn luyện tu dưỡng bản thân nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Đối với hành vi cho vay có lãi suất của các bị cáo: Theo lời khai của bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc Ncho rằng số tiền còn nợ của Phạm Thị D là do N vay nhiều lần, có lãi suất, việc cho vay được thể hiện bằng hình thức giấy biên nhận đặt cọc tiền mua, bán xe máy. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị D không thừa nhận và xác định nguồn gốc số tiền 11.000.000 đồng là tiền của D đã đặt cọc cho chị N để bán xe máy cho D nhưng chị N không giao xe máy như thỏa thuận, cũng không trả lại tiền đã nhận cọc mà lại bỏ trốn nên bị cáo mới buộc gia đình Nết phải trả nợ thay. Hiện tại, chị Nguyễn Thị Ngọc N không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị đến các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục điều tra làm rõ về hành vi nêu trên, nếu đủ căn cứ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng Nguyễn Đức T hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Z đã ra Quyết định truy nã; Quyết định tạm đình chỉ bị can và Quyết định tách vụ án, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối tượng tên Trần Anh T (*hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch*), Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z đang tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] *Về vật chứng vụ án*: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung vỏ màu đen (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) là tài sản cá nhân của bị cáo Phạm Thị D nên trả lại cho bị cáo D. (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z*).

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo Phạm Thị D, Phan Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 169; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Phạm Thị D.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội: “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 169; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Phan Ngọc H.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Ngọc H (Hc) 02 (hai) năm** tù về tội: “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị D01 (một) điện thoại di động hiệu samsung vỏ màu đen (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) .(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Z và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Thị D, Phan Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Công an TP. Z;
- Thi hành án dân sự Z;
- Lưu: Ấn văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ HẠNG